TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 233/2019/HC-PT
Ngày 21/11/2019
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến, ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 220/2019/TLPT-HC ngày 25/9/2019 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1511/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Y; địa chỉ: Thôn K, xã Th, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y là Luật sư Bảo C, Văn phòng Luật sư Bảo C, Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ trụ sở: 16 đường L, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là ông Nguyễn Văn Ph (Phó chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế) có Đơn ghi ngày 13/11/2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Viết Ch, có mặt;

3.2. Ông Nguyễn Viết C, vắng mặt;

3.3. Bà Nguyễn Thị L1, vắng mặt;

3.4. Ông Nguyễn Viết H2, vắng mặt;

Ông Ch, ông C, bà L, anh H2 đều trú tại: Thôn K, xã Th, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.5. Bà Phan Thị V; địa chỉ: Thôn C1, xã Th, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền số 14/GUQ-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H là ông Nguyễn Đắc Tập (Phó chủ tịch UBND thị xã H) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại thôn K, xã Th, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của ông, bà nội của Bà (cố Nguyễn Viết D1 và cố Trần Thị P) khai canh, phục hóa trước năm 1975 và cha của Bà là cụ Nguyễn Viết I (chết năm 1968) trực tiếp canh tác, tăng gia sản xuất. Ông, bà nội của Bà chết năm 1992, không để lại di chúc. Ông bà nội của Bà có tất cả 05 người con gồm: cụ Nguyễn Viết Th1 (đã chết, có 01 người con là ông Nguyễn Viết H2); cụ Nguyễn Viết I (đã chết, có 01 người con là Bà); cụ Nguyễn Viết C; cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Nguyễn Viết Ch. Thửa đất số 31 nêu trên là đất vườn, không phải đất nông nghiệp nên không bị điều chỉnh bởi Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 64/NĐ-CP). Trên thửa đất số 31 cụ Nguyễn Viết I (cha của Bà) trồng nhiều cây lưu niên, hiện nay còn lại một số cây nên ngày 15/10/2014, Bà gửi Đơn tới Ủy ban nhân dân thị xã H đề nghị thu hồi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* mà UBND thị xã H đã cấp cho cụ Nguyễn Viết Ch. Ngày 10/6/2016, UBND thị xã H ban hành Công văn số 398/UBND-TNMT trả lời không chấp nhận đề nghị của Bà. Bà khiếu nại thì ngày 21/7/2017, Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định số 2244/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của Bà. Ngày 29/7/2017, Bà khiếu nại thì ngày 20/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 2428/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của Bà. Nay, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 31 hiện có tranh chấp là một phần trong tổng diện tích khoảng 20.000 m^2 đất do vợ chồng cố Nguyễn Viết D1, cố Trần Thị P (ông, bà nội của bà Y) và các con là Nguyễn Viết I, Nguyễn Viết Th1, Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết Ch và Nguyễn Thị L1 khai hoang để sản xuất nông nghiệp. Quá trình sử dụng 20.000m^2 đất đến năm 1983 thì cố D1 và cố P cho cụ Nguyễn Viết Ch một phần mảnh đất để sản xuất nông nghiệp (cho không có giấy tờ). Trong quá trình thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP thì phần đất cụ Chính được cha mẹ cho được Nhà nước đưa vào phương án giao đất cho cụ Chính theo Nghị định 64/NĐ-CP. Phương án giao ruộng đất tại xã Th được Phòng địa chính huyện H xác nhận ngày 01/3/1997, UBND huyện H phê duyệt ngày 03/3/1997. Theo Phương án giao ruộng đất thì bà Y không được cân đối giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP vì năm 1990 bà Y sau khi kết hôn đã sinh sống cùng chồng tại nơi khác, không còn sử dụng đất nông nghiệp tại địa phương. Trên cơ sở Phương án giao ruộng đất tại xã Th thì ngày 04/3/1998, UBND huyện H ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* theo Nghị định 64/NĐ-CP cho các hộ gia đình, cá nhân

trong đó có "*hộ ông Nguyễn Viết Ch"* được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng* thửa đất số 31, tờ bản đô số 05, diện tích 1.404 m^2, mục đích sử dụng sản xuất màu, thời hạn sử dụng đến 15/10/2013. Sau khi được Nhà nước giao đất, cụ Nguyễn Viết Ch sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng chè, khoai, sắn) cho đến thời điểm tranh chấp vào năm 2012.

Ngày 15/10/2014, bà Y có Đơn đề nghị UBND thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Nguyễn Viết Ch. Ngày 10/6/2016, UBND thị xã H ban hành Công văn số 398/UBND- TN&MT trả lời không có cơ sở chấp nhận đề nghị của bà Y. Bà Y khiếu nại nên Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2244/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 không chấp nhận khiếu nại của bà Y. Bà Y tiếp tục khiếu nại nên ngày 20/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2428/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà Y.

Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng việc UBND huyện H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho cụ Nguyễn Viết Ch đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 cũng như các hộ gia đình khác trên địa bàn xã Th là đúng pháp luật. Bà Y cho rằng thửa đất 31 do cha mẹ bà Y là vợ chồng cụ Nguyễn Viết I, cụ Hồ Thị Tr khai hoang năm 1956, nhưng bà Y không cung cấp được chứng cứ chứng minh và bà Y không cung cấp được căn cứ chứng minh trực tiếp canh tác trên thửa đất và kê khai với nhà nước; trong khi thực tế, bà Y sống và làm việc tại Đan viện TA. Điểm c khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Người sử dụng đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật thì gửi kiến nghị, phát hiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền..."*; Công văn số 394/TTr-P2 ngày 09/12/2014 của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định *"Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đên thửa đất mà phát hiện việc cấp giấy chứng nhận...không đúng quy định của pháp luật...kiến nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền..."* thì bà Y không phải là người sử dụng thửa đất nêu trên và không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất để chứng minh quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến thửa đất. Hơn nữa, thửa đất bà Y khiếu nại đã được Nhà nước thực hiện các chính sách đất đai trước đây, UBND huyện H (nay là thị xã H) đã xét giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Viết Ch theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh cho rằng UBND thị xã H ban hành Công văn số 398/UBND-TN&MT ngày 10/6/2016 là đúng. Bà Y khiếu nại Chủ tịch UBND thị xã H trả lời khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế trả lời lần hai là đúng nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Y.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày:

Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 được UBND huyện (nay là thị xã) H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho "*hộ ông Nguyễn Viết Ch"* ngày 04/3/1998 có diện tích 1.404 m^2, loại đất sản xuất màu, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2013 có nguồn gốc được Nhà nước đưa vào phương án giao đất cho ông Nguyễn Viết Ch theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Phương án giao ruộng đất theo Nghị định 64-CP tại xã Th đã được UBND huyện H phê duyệt ngày 03/3/1997. Trên cơ sở phương án giao ruộng đất này, căn cứ quy định tại Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBNET ngày 04/3/1998 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64-CP cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó có "*hộ ông Nguyễn Viết Ch"*. Sau khi được Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Nguyễn Viết Ch sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Năm 2005, khi tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính, thửa đất có số thửa 111, tờ bản đồ 09, diện tích 1.030,9 m^2, loại đất trồng cây hàng năm do ông Nguyễn Viết Ch kê khai, đăng ký sử dụng. Do đó, UBND thị xã H ban hành Công văn số 398/UBND-TN&MT ngày 10/6/2016 trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Y và Chủ tịch UBND thị xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2244/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 không công nhận khiếu nại của bà Y là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Nay, Ủy ban nhân dân thị xã H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Y.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Viết Ch trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05, tại thôn K, xã Th, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là một phần trong tổng diện tích khoảng 20.000 m^2 đất mà cha mẹ của Cụ là cố Nguyễn Viết D1 và cố Trần Thị P cùng các con là cụ Nguyễn Viết Th1, cụ Nguyễn Viết I, cụ Nguyễn Viết C, cụ Nguyễn Thị L1 và Cụ cùng khai hoang canh phá để trồng trọt. Năm 1983 cha mẹ cho Cụ thửa đất 31, diện tích 1404 m^2 để canh tác trồng hoa màu và ngày 04/3/1998, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Cụ với diện tích 1404 m^2, loại đất sản xuất màu, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2013, có nguồn gốc được Nhà nước giao theo Nghị định 64-CP. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu UBND thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình Cụ thì Cụ không đồng ý.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 02/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4, khoản 14 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đề nghị hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y trú tại thôn K, xã Th, thị xã H (Lần hai).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005406 ngày 16/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, bà Y đã nộp đủ án phí.

- Ngày 08/8/20019, 24/8/2019, bà Nguyễn Thị Y kháng cáo cho rằng: *(i).* Nội dung các biên bản lập ngày 29/11/2012, 19/6/2014 xác nhận trên thửa đất 31 có nhiều cây như chè, sói và mít do cụ Nguyễn Viết I (cha của bà Y) trồng đã bị

chặt phá; *(ii).* Tại biên bản do UBND xã Th lập ngày 02/7/2014 ghi rõ đất đang tranh chấp không được chuyển nhượng, mua bán, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định gia đình ông Nguyễn Viết Ch sử dụng ổn định là không đúng; *(iii).* Lẽ ra, việc giao đất nông nghiệp năm 1998 theo Nghị định 64/CP phải căn cứ vào người có tài sản trên đất (là cây do cha của bà Y trồng); không có quy định nào quy định người đang làm việc tại Đan viện TA không được cấp đất theo nghị định 66/CP và thực tế vì không có đất canh tác nên bà Y phải đi làm thuê sống lang thang nhờ vào dòng TA, cụ Nguyễn Viết Ch được cấp rất nhiều đất của ông bà để lại không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp nên đã bán cho bà Phan Thị V (tức là bà Bội Trân); do đó, bà Y đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Người khởi kiện (bà Nguyễn Thị Y) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu nêu trong đơn kháng cáo.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết Ch không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Y, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. *Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, nội dung Quyết định 2428/QĐ-UBND không công nhận khiếu nại của bà Y đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2244/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã H (lần đầu) và Công văn số 398/UBND-TN&MT ngày 10/6/2016 của UBND thị xã H trả lời đơn của bà Y. Các Quyết định nêu trên liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thị xã H đã cấp cho *hộ ông Nguyễn Viết Ch* ngày 04/3/1998 và theo bà Y thì các Quyết định này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý vụ án hành chính xác định Quyết định số 2428/QĐ-UBND là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và các Quyết định còn lại có liên quan là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 10/3/2018, bà Y khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Y, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND thị xã H là đúng quy định tại các Điều 59, 60 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

[4]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính có căn cứ của các Quyết định hành chính:

[4.1]. Theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã. Bà Y làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho *hộ ông Nguyễn Viết Ch* và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, bà Y tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nên Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2]. Theo quy định tại điểm đ, m khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 138 Luật đất đai năm 2003; khoản 4, khoản 14 Điều 22; khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Y thì Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như Chủ tịch UBND thị xã H đã tiến hành xác minh, thẩm tra nội dung khiếu nại, đồng thời tổ chức đối thoại với đương sự trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại trong thời hạn là đúng trình tự và thủ tục ban hành văn bản về nội dung quản lý nhà nước về đất đai theo quy định tại Luật khiếu nại năm 2011.

Như vậy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã H được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục.

[5]. Xét yêu cầu của bà Y yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thì thấy:

[5.1]. Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã Th, huyện H (nay là thị xã H) có diện tích 1.404 m^2; nguồn gốc thửa đất này là một phần trong tổng diện tích khoảng 20.000 m^2 đất do vợ chồng cố Nguyễn Viết D1, cố Trần Thị P khai hoang, sử dụng trước năm 1975. Quá trình sử dụng đất đến năm 1983, vợ chồng cụ

Nguyễn Viết Ch được vợ chồng cố D1, cố P cho một phần diện tích đất trong tổng diện tích đất 20.000 m^2 để sản xuất nông nghiệp (việc cho tặng không có giấy tờ).

[5.2]. Quá trình thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì thửa đất gia đình cụ Chính đang sử dụng được Nhà nước đưa vào Phương án giao đất. Hiện nay, tại xã Th, Bản đồ giải thửa lập theo Chỉ thị 299/TTG và các tài liệu kèm theo đã thất lạc, không còn lưu giữ nhưng thực tế trước đây vào năm 1989 xã Th đã được đo đạc lập bản đồ giải thửa theo Chỉ thị 299/TTg. Trên cơ sở đó, quá trình thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP chính quyền địa phương đã xây dựng Phương án giao ruộng đất. Phương án giao ruộng đất tại xã Th được Phòng Địa chính huyện H xác nhận ngày 01/3/1997 và được Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt ngày 03/3/1997. Trên cơ sở Phương án giao ruộng đất, ngày 04/3/1998, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó có *hộ ông Nguyễn Viết Ch* được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.404 m^2, mục đích sử dụng để sản xuất màu, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2013.

[5.3]. Sau khi được Nhà nước giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình cụ Chính sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Theo Bản đồ địa chính lập năm 2005 (được UBND xã Th xác nhận ngày 19/12/2005 và Sở Tài nguyên và Môi Trường phê duyệt ngày 23/12/2005) thì thửa đất bà Y khiếu nại có số thửa 111, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.030,9 m^2. Tại Bảng Thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng do xã Th lập năm 2005 (được Ủy ban nhân dân xã xác nhận ngày 07/12/2005) ghi nhận chủ sử dụng đất là "*hộ ông Nguyễn Viết Ch"*.

[5.4]. Bà Y cho rằng nguồn gốc thửa đất trên do bố mẹ bà là cụ Nguyễn Viêt I, cụ Hồ Thị Tr khai hoang từ năm 1956 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, thời điểm Nhà nước thực hiện chính sách đất đai, cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ thì bà Y không có tên trong danh sách được giao đất, không trực tiếp sản xuất trên đất và không thực hiện đăng ký kê khai nhu cầu sử dụng đất đai. Do đó, UBND huyện H cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho *hộ ông Nguyễn Viết Ch* ngày 04/03/1998 đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.404 m^2 tọa lạc tại xã Th, huyện H là đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích tại các mục [5.1] đến [5.4] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc bà Y đề nghị UBND thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Viết Ch là không có căn cứ; do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2244/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Y là có cơ sở. Bà Y kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 Luật tố tụng hành chính 2015 tuyên xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4, khoản 14 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đề nghị hủy Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Y trú tại thôn K, xã Th, thị xã H (lần hai).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/005406 ngày 16/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, bà Y đã nộp đủ khoản tiền này.

II/ Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Y đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005553 ngày 11/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, thì bà Y đã nộp xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân